

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-12-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG- THÁP CHÀM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vân Thị Thu Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Th

2. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiên Quan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại hội trường xử án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 197/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-11-2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/QĐST- HNGĐ ngày 26-11-2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc Th, sinh năm: 1973. Có mặt

Địa chỉ: thôn K, xã PT, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 8, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14-5-2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Th trình bày:

Bà và ông Lê Văn T chung sống với nhau từ năm 1992, không đăng ký kết hôn, không tổ chức đám cưới. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà và chị chồng có mâu thuẫn, ông T không bên vực bà mà đứng về phía chị chồng. Vì vậy từ năm 2009 bà và ông T đã sống riêng. Khoảng 01, 02 năm sau ông T đã chung sống với người phụ nữ khác. Bà và ông T không còn tình cảm đã lâu nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Bà và ông T có 04 con chung, 03 cháu lớn đã trưởng thành, cháu út tên Lê Văn H, sinh ngày 25-12-2002. Cháu H hiện đang ở với bà, bà xin nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện bà đang buôn bán hải sản, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 20 triệu đồng. Ông T đang làm gì, thu nhập bao nhiêu bà không rõ.

Tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông Lê Văn T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng Bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay HĐXX đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX không công nhận bà Th và ông T là vợ chồng; giao bà Th nuôi cháu H, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay Bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Th và ông T chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ giữa bà Th và ông T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì Tòa án không công nhận bà Th và ông T là vợ chồng.

[2.2] Về quan hệ con cái: 03 cháu lớn đã trưởng thành, riêng cháu Lê Văn H, sinh ngày 25-12-2002 từ nhỏ đến nay đều ở với bà Th. Bà Th mong muốn được nuôi con, nguyện vọng của cháu H muốn được ở với mẹ. Xét thấy, bà Th có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi con. Vì vậy HĐXX quyết định giao con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Th không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với những nhận định trên, nên chấp nhận.

[2.5] Về án phí: bà Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Trần Thị Ngọc Th và ông Lê Văn T là vợ chồng.

Về quan hệ con cái: Giao con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 25-12-2002 cho bà Trần Thị Ngọc Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Th không yêu cầu.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Về án phí: bà Trần Thị Ngọc Th phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0020839 ngày 19-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- Tháp Chàm. Bà Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt Nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. Phan Rang - Tháp Chàm;
- CC THADS TP. Phan Rang - Tháp Chàm;
- Các đương sự;
- UBND xã PT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vân Thị Thu Sang